# VĂN BẢN HỢP NHẤT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## QUYẾT ĐỊNH[1]
## Ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi bổ sung bởi:

1. Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính bổ sung Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2006;

2. Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2006.

*Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Quyết định sau:

Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/ xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2006;

Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính bổ sung Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/ xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2006;

Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2006.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Quyết định nêu trên.

*Căn cứ Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định về định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 175/VPCP-KTTH ngày 09 tháng 01 năm 2003 về việc điều chỉnh, sửa đổi nội dung tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh Việt Nam;*

*Sau khi thống nhất với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Y tế;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.*[2]

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** *Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có kích thước là 12,5 cm* x *26,8 cm*

---

[2] Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính bổ sung Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định về định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan".

Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính, có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5291/VPCP-CCHC ngày 22 tháng 9 năm 2006 về việc sử dụng tờ khai xuất, nhập cảnh mới;*

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,".*

*gồm 06 trang có bố cục như 02 mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh*[3]; hướng dẫn sử dụng; in, phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.[4]

**Điều 2**[5]**.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo[6] và thay thế Quyết định số 483/2000/QĐ-TCHQ ngày 23 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Tờ khai nhập - xuất cảnh Việt Nam (CHY 2000) tiếp tục được sử dụng đồng thời với 02 mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh nêu tại Điều 1 cho đến hết số lượng đã in và phát hành.

**Điều 3.** Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 11/VBHN-BTC

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014*
**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

---

[3] Đoạn này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2006.

[4] Điều 1 Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2006 quy định như sau:

"Bãi bỏ 02 (hai) mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh (một bản bằng tiếng Việt và một bản bằng tiếng Anh) quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Việc sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh quy định tại Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính được thực hiện theo hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính".

[5] Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính bổ sung Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2006.

Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/5/2006 của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2006.

[6] Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/ xuất cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2006.

Hàng hóa phải nộp thuế:
*Dutiable goods:*

Ngày ☐☐ tháng ☐☐ năm ☐☐☐☐
*Day* *month* *year*

Người khai ký tên:
*Signature of declarant:*

| Xác nhận xuất nhập cảnh<br>*(Certification by Immigration)* | Xác nhận Hải quan<br>*(Certification by Customs)* |
|---|---|
| | |

(5)

## THÔNG TIN VỀ HẢI QUAN

1. - Người nhập cảnh được miễn thuế không quá 1,5 lít rượu trên 22 độ và 2 lít rượu dưới 22 độ; 400 điếu thuốc lá; 100 điếu xì gà; 500 gram thuốc lá sợi.

- Các vật phẩm khác được mang theo khi nhập cảnh được miễn thuế trị giá không vượt quá 5 triệu đồng Việt Nam.

- Người nhập cảnh mang theo hành lý vượt mức quy định nêu trên thì phải khai báo vào tờ khai ký hiệu HQ/2002-PMD và nộp thuế theo luật định.

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh không có hàng hóa phải khai báo hải quan tại trang 4, 5 (Dành cho khai báo hải quan) thì không phải khai.

## CUSTOMS INFORMATION

1. - Passengers are given duty free allowance for not more than 1.5 liters of liquor with above 22 degrees of concentration of alcohol and 2 liters of liquor below 22 degrees; 400 cigarettes; 100 cigars; 500 gram of raw tobacco.

- Other items which are allowed in accompanying baggages are duty free with value not over VND 5,000,000.

- Passengers bringing goods exceeding the amount as above stated are required to fill in the declaration form No. HQ/2002-PMD and pay duty(ies) according to Vietnamese laws.

2. Passengers whose goods are not subject to customs declaration on page 4, 5 (For customs declaration) do not have to declare.

(6)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

# TỜ KHAI NHẬP CẢNH - XUẤT CẢNH

## CHÀO MỪNG QUÝ KHÁCH ĐẾN VIỆT NAM

**WELCOME TO VIET NAM**

**XIN QUÝ KHÁCH LƯU Ý!**

- Cần ghi đầy đủ các thông tin vào các ô phù hợp trên các trang 2, 3, 4, 5;
- Sử dụng bút màu đen hoặc xanh.

**ATTENTION!**

- Please complete the information in appropriate boxes on page 2, 3, 4, 5;
- Please print in black or green ink.

(1)

0 5 7 0 9 0 8

Họ và tên: (theo đúng hộ chiếu, dùng chữ in hoa)

*Full name: (as appears in passport, print in block letters)*

Giới tính: Nam/*M* Nữ/*F*
*Gender*

Quốc tịch/*Nationality:*

Sinh ngày: *Date of birth* *day* tháng *month* năm *year*

Nơi sinh/*Place of birth:*

Số hộ chiếu/*Passport Number:*

Cấp ngày: *Date of issue* *day* tháng *month* năm *year*

Nghề nghiệp/*Occupation:*

Số hiệu chuyến bay/tên tàu/biển số xe:
*Registration N° of identification of means of transport:*

Địa chỉ ở Việt Nam/*Address of stay in Viet Nam*

Họ tên, năm sinh của trẻ em đi cùng hộ chiếu
*Name, date of birth of accompanying children*

(2)

Mục đích Nhập cảnh - Xuất cảnh/*Purpose of Entry - Exit*

- Kinh doanh - Đầu tư/*Business*
- Hội nghị/*Conference*
- Báo chí/*Journalism*
- Học tập/*Study*
- Lao động/*Employment*
- Thăm thân nhân/*Family visit*
- Du lịch/*Tourism*
- Mục đích khác/*Others*

Có dấu hiệu sốt, ho, khó thở, tiêu chảy, buồn nôn, vàng da hay không?/*Do you have any of the following symptoms: fever, cough, dyspnea, diarrhea, nauseous feeling, and jaundice?*

Có/*Yes* Không/*No*

Ngày *Day* tháng *month* năm *year*

Người khai ký tên:
*Signature of declarant:*

| Xác nhận xuất nhập cảnh *(Certification by Immigration)* | Xác nhận Hải quan (*Certification by Customs)* |
|---|---|
| | |

(3)

CL 0 5 7 0 9 0 8

Họ và tên: (theo đúng hộ chiếu, dùng chữ in hoa)

*Full name: (as appears in passport, print in block letters)*

Giới tính Nam/*M* Nữ/*F*
*Gender*

Quốc tịch/*Nationality*

Số hộ chiếu/*Passport Number:*

Ngày cấp/*Date of issue:*

Ngày *Day* tháng *month* năm *year*

Số hiệu chuyến bay/tên tàu/biển số xe
*Registration No of identification of means of transport:*

**DÀNH CHO KHAI BÁO HẢI QUAN**
**FOR CUSTOMS DECLARATION**

Có hành lý gửi trước hoặc sau chuyến đi?/
*Do you have any unaccompanied baggage?*

Mang theo trên 7000 Đô la Mỹ (hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương)?/*Do you bring over US$ 7000 (or other foreign currencies of equivalent value)?*

Tổng trị giá/
*Total amount:*

Mang theo trên 15 triệu đồng Việt Nam?/
*Do you bring over VND 15,000,000*

Tổng trị giá/
*Total amount:*

Mang theo vàng trên 300gr?/
*Do you bring over 300 gram of gold?*

Tổng trọng lượng/*Gross weight:*

Hàng hóa Tạm nhập - Tái xuất hoặc
Tạm xuất - Tái nhập?/*Do you have temporarily imported and re-exported goods or vice versa?*

(4)

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2006*

# QUY ĐỊNH
## Về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH MẪU TỜ KHAI NHẬP CẢNH/XUẤT CẢNH

**Điều 1.** Tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh (sau đây gọi tắt là tờ khai), gồm 02 mẫu kèm theo Quy định này được dùng cho người nhập cảnh, xuất cảnh mang hộ chiếu, giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu hoặc các loại giấy tờ khác được Chính phủ Việt Nam cho phép nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu của Việt Nam.

**Điều 2.** Tờ khai được in bằng hai thứ tiếng Việt và tiếng Anh, trường hợp cần thiết có thể in bằng thứ tiếng nước ngoài khác. Các tờ khai này có giá trị pháp lý như nhau. Tờ khai có kích thước là 12,5cm x 26,8cm gồm 06 trang có bố cục như sau:

1. Trang 1: phía trên chính giữa ghi quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM", phía dưới bên trái là biểu tượng quốc huy Việt Nam, bên phải là biểu tượng của các nước ASEAN, tiếp theo phía dưới là dòng chữ "CHÀO MỪNG QUÝ KHÁCH ĐẾN VIỆT NAM". Chính giữa trang 1 là dòng chữ "TỜ KHAI NHẬP CẢNH/XUẤT CẢNH" và dưới cùng là một số điều quý khách cần lưu ý.

2. Trang 2, 3, 4, 5 là phần nội dung liên quan đến các thông tin về cá nhân và một số mặt hàng định lượng người nhập cảnh/xuất cảnh phải khai báo. Phía trên cùng trang 2 và trang 4 của tờ khai là số xê ri.

3. Trang 6 là phần nội dung liên quan đến những thông tin cần thiết về hải quan đối với người nhập cảnh.

## Chương II
## QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TỜ KHAI NHẬP CẢNH/XUẤT CẢNH

**Điều 3. Quy định việc khai báo**

1. Người nhập cảnh, xuất cảnh phải khai báo đầy đủ thông tin vào các ô trống trên các trang 2, 3, 4, 5 của tờ khai trước khi làm thủ tục với các cơ quan chức năng tại cửa khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo của mình (trừ các đối tượng được ưu đãi miễn trừ theo quy định của pháp luật). Trước khi khai báo, người nhập cảnh, xuất cảnh cần tham khảo một số thông tin trên trang 1 và trang 6 của tờ khai.

- Các nội dung khai báo trên tờ khai phải được ghi rõ ràng, không được tẩy xóa, sửa chữa, không ghi bằng bút chì, mực đỏ hoặc các thứ mực dễ phai không thể hiện rõ nội dung khai báo.

2. Trường hợp có ngoại tệ, tiền Việt Nam, vàng ở mức phải khai báo theo quy định thì người nhập cảnh, xuất cảnh đánh dấu "x" vào ô "trống" và khai báo cụ thể tổng trị giá, số lượng mang theo ở các mục tại trang 4.

3. Trường hợp có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập, hàng hóa, hành lý vượt mức quy định phải nộp thuế thì người nhập cảnh, xuất cảnh đánh dấu "x" vào ô "trống" ở các mục tại các trang 4, 5 và phải khai báo cụ thể vào Tờ khai hải quan phi mậu dịch về hành lý, hàng hóa (tên, nhãn hiệu, trị giá) và thời gian tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.

4. Trường hợp người nhập cảnh, xuất cảnh có hàng hóa, hành lý thuộc sự quản lý của cơ quan chuyên ngành thì phải thực hiện theo quy định quản lý chuyên ngành về xuất nhập khẩu của các cơ quan đó. Người nhập cảnh, xuất cảnh phải xuất trình cho công chức Hải quan văn bản hoặc giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành kèm theo tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.

5. Trường hợp người tái xuất cảnh hoặc tái nhập cảnh nếu không có hàng hóa, hành lý phải khai báo ở các mục tại các trang 4, 5 thì được sử dụng tờ khai đã làm thủ tục nhập cảnh hoặc xuất cảnh (trang 4, trang 5) có xác nhận của cơ quan chức năng khi nhập cảnh hoặc xuất cảnh để làm thủ tục tại cửa khẩu (trong trường hợp này tờ khai phải đảm bảo nội dung khai báo còn rõ ràng, tờ khai không rách nát).

**Điều 4. Quy định việc kiểm tra, xác nhận và luân chuyển tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh của các cơ quan chức năng tại cửa khẩu**

1. Đối với người nhập cảnh:

a) Bước 1 tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh: xuất trình tờ khai cho cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh, cán bộ Công An cửa khẩu hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý xuất nhập cảnh) kiểm tra thủ tục nhập cảnh và đóng dấu kiểm chứng lên trang 3 và 5 của tờ khai và trả lại tờ khai cho người nhập cảnh để làm thủ tục hải quan.

b) Bước 2 tại cơ quan Hải quan: xuất trình tờ khai cho cơ quan Hải quan, công chức hải quan trên cơ sở dấu xác nhận đã làm thủ tục của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để làm thủ tục hải quan, cụ thể:

- Trường hợp người nhập cảnh không có hàng hóa phải khai báo tại các trang 4, 5 của tờ khai thì công chức hải quan thu lại phần khai báo trên các trang 1, 2, 3, 6 để lưu, trả lại người nhập cảnh phần khai các trang 4, 5. Hải quan không xác nhận vào các trang 3, 5.

- Trường hợp người nhập cảnh có hàng hóa phải khai báo tại một trong các mục trên trang 4 và trang 5 của tờ khai thì công chức hải quan kiểm tra và đóng

dấu công chức hải quan vào mục xác nhận Hải quan tại các trang 3, 5 của tờ khai, sau đó thu lại phần khai báo trên các trang 1, 2, 3, 6 để lưu, trả lại người nhập cảnh phần khai các trang 4, 5. Trường hợp người nhập cảnh có mang theo hàng hóa phải nộp thuế thì công chức hải quan yêu cầu người nhập cảnh khai báo vào Tờ khai hải quan phi mậu dịch và nộp thuế theo luật định.

2. Đối với người xuất cảnh:

a) Bước 1 tại cơ quan Hải quan: xuất trình tờ khai cho cơ quan Hải quan kiểm tra.

- Trường hợp người xuất cảnh không có hàng hóa phải khai báo tại các trang 4, 5 của tờ khai thì công chức hải quan không xác nhận vào các trang 3, 5. Trả lại tờ khai cho người xuất cảnh để tiếp tục làm thủ tục tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh;

- Trường hợp người xuất cảnh có hàng hóa phải khai báo tại một trong các mục trên các trang 4, 5 của tờ khai thì công chức hải quan kiểm tra và đóng dấu công chức hải quan vào mục xác nhận Hải quan tại các trang 3, 5 của tờ khai. Trả lại tờ khai cho người xuất cảnh để tiếp tục làm thủ tục tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh. Trường hợp người xuất cảnh có mang theo hàng hóa phải nộp thuế thì công chức hải quan yêu cầu người xuất cảnh khai báo vào Tờ khai hải quan phi mậu dịch và nộp thuế theo luật định.

b) Bước 2 tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh:

- Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh kiểm tra thủ tục xuất cảnh và đóng dấu kiểm chứng lên các trang 3, 5 của tờ khai. Kết thúc thủ tục cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh trả lại người xuất cảnh tờ khai phần các trang 4, 5 và thu lại phần khai báo của người xuất cảnh tại các trang 1, 2, 3, 6 để chuyển lại cho cơ quan Hải quan lưu giữ.

- Trường hợp người tái xuất cảnh không có hàng hóa phải khai báo tại các trang 4, 5 của tờ khai thì chỉ xuất trình tờ khai đã làm thủ tục khi nhập cảnh (phần trang 4 và 5) với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh.

Sau khi kết thúc thủ tục kiểm tra xuất cảnh, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh thu lại tờ khai khi nhập cảnh để chuyển lại cho cơ quan Hải quan lưu giữ.

3. Đối với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh:

Sau mỗi chuyến phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh (đối với cửa khẩu quốc tế đường hàng không) và sau mỗi ngày làm việc đối với cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường biển, đường sông, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh bàn giao đầy đủ tờ khai cho Hải quan cửa khẩu để lưu giữ theo quy định.

4. Đối với cơ quan Hải quan:

Trường hợp người nhập cảnh, xuất cảnh làm rách nát, mất mát, thất lạc tờ khai nhập/xuất cảnh đã làm thủ tục hải quan, Hải quan cửa khẩu không cấp lại tờ khai mới. Nếu người nhập cảnh/xuất cảnh có yêu cầu xác nhận tờ khai, Hải quan cửa

khẩu chỉ xác nhận vào văn bản đề nghị của người nhập cảnh/xuất cảnh nội dung hàng hóa, ngoại hối, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở khai báo thực tế trong tờ khai lưu tại cơ quan Hải quan. Việc xác nhận này không có giá trị để được hưởng tiêu chuẩn miễn thuế. Lệ phí xác nhận thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Trường hợp cơ quan Công an (Vụ, Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an hoặc Công an tỉnh, thành phố), cơ quan Y tế (cơ quan kiểm dịch y tế biên giới và địa phương), Bộ đội Biên phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) có nhu cầu được cung cấp thông tin (mượn tờ khai để cập nhật thông tin, sao chụp tờ khai, xác nhận bằng văn bản) về tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh thì gửi văn bản đề nghị cơ quan Hải quan đang lưu giữ tờ khai cung cấp theo thẩm quyền.

## Chương III
## CHẾ ĐỘ IN, PHÁT HÀNH TỜ KHAI NHẬP CẢNH/XUẤT CẢNH

**Điều 5.** Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) thống nhất quản lý việc in và phát hành tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh.

**Điều 6.** Tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh được phát miễn phí.

Trên cơ sở những biện pháp phối hợp quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh đã được các cơ quan hữu quan thống nhất, cơ quan Hải quan có thể cấp trước tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh cho cơ quan Hàng không Việt Nam, đại diện các Hãng hàng không của các nước, cơ quan vận tải, cơ quan du lịch và các cơ quan khác có liên quan để phát tờ khai cho người nhập cảnh, xuất cảnh khai báo trước khi người nhập cảnh đến và người xuất cảnh rời cửa khẩu Việt Nam.

Tại các cửa khẩu, tờ khai được để ở vị trí thuận lợi dễ nhìn, dễ thấy cho khách tự lấy khai báo (vị trí trước khu vực làm thủ tục của cơ quan Hải quan và cơ quan quản lý xuất nhập cảnh).

## Chương IV
## TỔ CHỨC QUẢN LÝ, LƯU TRỮ TỜ KHAI NHẬP CẢNH/XUẤT CẢNH

**Điều 7. Công tác quản lý Tờ khai**

1. Tổng cục Hải quan (Vụ Kế hoạch - Tài chính) cung cấp tờ khai nhập cảnh/ xuất cảnh theo kế hoạch hàng năm của từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố (có sổ theo dõi, ghi rõ số lượng).

2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố cấp phát cho Chi cục Hải quan các cửa khẩu trực thuộc (có sổ theo dõi số lượng cho từng cửa khẩu trong từng thời gian) và hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng và bảo quản tờ khai.

3. Chi cục Hải quan cửa khẩu phát tờ khai cho người nhập cảnh/xuất cảnh hàng ngày hoặc cấp cho các cơ quan Hàng không, Du lịch, Vận tải... (có sổ theo dõi số lượng) đồng thời hướng dẫn các đơn vị này quản lý chặt chẽ, tránh lãng phí, thất thoát tờ khai.

**Điều 8. Công tác lưu trữ Tờ khai**

1. Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu được cung cấp thông tin hoặc cho phép sao chụp tờ khai lưu. Nghiêm cấm cán bộ, nhân viên Hải quan tự ý cung cấp, sao chụp, thay đổi, sửa chữa tờ khai lưu và các chứng từ, hồ sơ liên quan lưu kèm tờ khai.

2. Chi cục Hải quan cửa khẩu tổ chức lưu trữ tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh theo từng chuyến phương tiện vận tải chuyên chở người nhập cảnh, xuất cảnh hoặc theo từng ngày. Mỗi chuyến hoặc mỗi ngày, toàn bộ tờ khai và các giấy tờ có liên quan kèm theo được cho vào các túi đựng hồ sơ riêng và bàn giao từ bộ phận làm thủ tục xuất nhập với bộ phận lưu trữ của Chi cục Hải quan cửa khẩu. Bộ phận lưu trữ hồ sơ sắp xếp tờ khai theo số thứ tự, đánh số, ghi rõ ngày, tháng, năm và tổ chức lưu trữ đúng quy định.

3. Túi hồ sơ dùng để đựng tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh và các giấy tờ liên quan được Tổng cục Hải quan thống nhất in và phát hành theo mẫu kèm theo Quyết định này.

4. Tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh được lưu giữ trong thời hạn 5 năm, quá thời hạn này thì tổ chức hủy. Thủ tục hủy tờ khai thực hiện theo quy định hiện hành.

## Chương V
## XỬ LÝ VI PHẠM

Mọi hành vi vi phạm các quy định tại quy định này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

TÚI HỒ SƠ ĐỰNG TỜ KHAI NHẬP CẢNH/
XUẤT CẢNH VIỆT NAM
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

(mặt trước)

TỔNG CỤC HẢI QUAN

**CỤC HẢI QUAN TỈNH/THÀNH PHỐ:**
Chi cục Hải quan cửa khẩu:

Ngày..... tháng..... năm.....

Số hiệu chuyến bay/số hiệu phương tiện vận tải:

Tổng số tờ khai:

Tổng số giấy tờ khác có liên quan:

Họ tên người phúc tập tờ khai:

Họ tên người lưu trữ xác nhận:

Cán bộ phụ trách xác nhận:

(mặt sau)

| Số TT | Ngày/ tháng/năm | Tên cơ quan (người) mượn hồ sơ | Lý do mượn | Ngày trả hồ sơ | Ký nhận mượn |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |